THỰC TRẠNG DẠY HỌC HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

PHẠM NGỌC HẢI
BÙI THỊ HỒNG VÂN
TRƯƠNG CÔNG TUẤN
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Nhận bài ngày 11/3/2025. Sửa chữa xong 15/3/2025. Duyệt đăng 19/3/2025.

Abstract

The article presents the current situation of teaching and learning the subject of national defense and security education at Quang Ninh University of Industry. From that situation, the author proposes a number of innovative solutions and methods in teaching the subject of national defense and security education.

Keywords: *National defense and security education, Quang Ninh University of Industry.*

1. Đặt vấn đề

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng xác định: "Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và cho toàn dân, bảo đảm phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức về đối tác, đối tượng; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" [3]. Công văn số 4471/BGDĐT-GDQPAN, ngày 13/9/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh năm học 2022-2023, khẳng định: "Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo; quán triệt phương hướng, nhiệm vụ năm học để triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên" [1].

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên (SV) là một nhiệm vụ cần thiết đối với thế hệ hệ trẻ, học phần này thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho SV về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tin tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Qua đó, giúp SV nhận thức và hành động đúng đắn, tránh được các tệ nạn xã hội đang tồn tại và phát triển hàng ngày, hàng giờ. Đồng thời giúp SV định hướng những thế mạnh để phát huy, hạn chế tối đa các yếu kém. Trong những năm qua công tác dạy học học phần GDQN&AN ở các trường đại học, cao đẳng nói chung và Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nói riêng vẫn còn nhiều bất cập. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào nhằm đánh giá đúng thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện thực trạng nêu trên. Vì vậy, nhóm tác giả đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp khoa học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học học phần GDQP&AN tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là vấn đề cần thiết.

2. Thực trạng dạy học học phần giáo dục quốc phòng và an ninh

Để tìm hiểu thực trạng dạy học học phần GDQP&AN tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 230 SV khoá 16 trong học kì 1 năm học 2023-2024 và 07 giảng viên (GV) Bộ môn Giáo dục quốc phòng an ninh của Trường. Trong quá trình nghiên cứu nhóm tác giả sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi, quan sát, phỏng vấn. Kết quả khảo sát được sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý.

Email: Ngochaiqn87@gmail.com

2.1. Thực trạng hoạt động dạy

2.1.1. Tiêu chí lựa chọn phương pháp giảng dạy học phần GDQP&AN được tìm hiểu qua câu hỏi: " Trong quá trình dạy học quý thầy lựa chọn tiêu chí dạy học nào?" (bảng 1).

TT	Tiêu chí dạy học	Số lượng	Tỉ lệ %
1	GV nêu và SV giải quyết vấn đề	1	14,3
2	SV vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn	1	14,3
3	SV hiểu bài, trình bày theo cách hiểu của mình	1	14,3
4	SV học thuộc, làm theo yêu cầu của GV	4	57,1
Tổng		**7**	

Bảng 1: Mức độ tiêu chí lựa chọn phương pháp dạy học

Kết quả nghiên cứu (bảng 1) có 57,1% GV lựa chọn tiêu chí giảng dạy là SV học thuộc bài, làm theo yêu cầu của GV. Điều này cho thấy phần lớn GV giảng dạy học phần GDQP&AN sử dụng phương pháp dạy học (PPDH) mang tính "thầy đọc, trò chép. Có thể nói với tiêu chí lựa chọn này sẽ dẫn đến nguyên nhân SV thụ động trong quá trình học tập. Trong khi đó, chỉ có 14,3% GV lựa chọn tiêu chí SV giải quyết vấn đề, SV vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn, SV hiểu bài, trình bày theo cách hiểu của mình.

Như vậy, với tiêu chí lựa chọn PPDH cơ bản chỉ cần SV học thuộc và trả bài theo yêu cầu của GV thì sẽ không phát huy được tính tích cực, chủ động của SV. Vì vậy, GV cần phải xem xét lại PPDH.

2.1.2. Mức độ sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học được nghiên cứu qua câu hỏi: "Trong quá trình dạy học quý thầy sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học nào?" (bảng 2).

TT	Phương pháp dạy học	Thường xuyên		Thi thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Thuyết trình	4	57,1	2	28,6				
2	Thảo luận nhóm	1	14,3	2	28,6	3	42,9		
3	Nêu và gải quyết vấn đề	2	28,6	2	28,6	1	14,3		
4	Dạy học theo tình huống	0	0	1	14,3	2	28,6		
5	Kỹ thuật động não	0	0	0	0	1	14,3	1	14,3

Bảng 2: Mức độ sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học

Kết quả nghiên cứu (bảng 2) cho thấy thực trạng sử dụng phương pháp trong quá trình dạy học của đội ngũ GV là chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình bởi vì với tiêu chí lựa chọn *"Sinh viên học thuộc và làm theo yêu cầu của giảng viên"* ở câu hỏi thứ nhất thì GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình trong dạy học là hợp lý. Bên cạnh đó, cũng có một vài GV đã sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo quan điểm dạy học hiện đại như kỹ thuật dạy học động não, dạy học theo tình huống.

2.1.3. Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học được tìm hiểu qua câu hỏi: "Trong quá trình dạy học quý thầy sử dụng hình thức tổ chức dạy học nào?" (bảng 3, bàng 4).

TT	Hình thức tổ chức	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Ít khi	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Cá nhân	1	14,3	0	0	0	0	1	14,3
2	Nhóm nhỏ	1	14,3	0	0	1	14,3	1	14,3
3	Nhóm lớn	0	0	1	14,3	2	28,6	1	14,3
4	Toàn lớp	4	57,1	1	14,3	0	0	0	0

Bảng 3: Mức độ sử dụng các hình thức dạy học

Kết quả cho thấy trong quá trình dạy học, GV cơ bản sử dụng hình thức tổ chức dạy học toàn lớp với mức độ rất thường xuyên. Trong khi đó hình thức dạy học nhóm nhỏ với mức độ rất thường xuyên rất thấp chỉ chiếm 14,3%.

TT	Phương tiện dạy học	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Ít khi	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Phấn, bảng	1	14,3	0	0	2	28,6	1	14,3
2	Máy chiếu, máy tính	4	57,1	2	28,6	0	0	0	14,3
3	Tình huống học tập	0	0	1	14,3	1	14,3	1	14,3
4	Mô hình, vật thật	1	14,3	1	14,3	0	0	0	0
5	Tranh ảnh, hình vẽ	1	14,3	1	14,3	1	14,3	0	0
6	Phim	0	0	1	14,3	2	28,6	1	14,3
7	Phương tiện khác	0	0	0	0	0	0	1	14,3

Bảng 4: Mức độ sử dụng các phương tiện nào trong dạy học

Kết quả (bảng 4) cho thấy tỉ lệ GV sử dụng máy chiếu, máy tính khá cao với mức Điều này chứng tỏ GV đã tích cực ứng dụng công nghệ để hỗ trợ quá trình giảng dạy, giúp tăng cường sự tương tác giữa GV và SV. Qua đó, giúp phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo, phát triển toàn diện các kỹ năng của SV góp phần hiện thực hoá mục tiêu của chương trình đào tạo.

2.1.4. Để tìm hiểu về phương pháp kiểm tra, đánh giá chúng tôi tiến hành hỏi "Đồng chí sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá nào trong quá trình dạy học?" (bảng 5).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Ít khi	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Tự luận	1	14,3	0	0	1	14,3	1	14,3
2	Trắc nghiệm	4	57,1	2	28,6	0	0	0	14,3
3	Trắc nghiệm tự luận	0	0	0	14,3	1	14,3	1	14,3
4	Vấn đáp	0	0	1	14,3	0	0	0	0
5	Giải quyết tình huống	0	0	0	0	1	14,3	0	0
6	Thực hành	2	28,6	1	14,3	2	28,3	1	14,3

Bảng 5: Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học

Kết quả (bảng 5) cho thấy GV chủ yếu sử sử dụng phương pháp trắc nghiệm để đánh giá trong quá trình học tập của SV. Phương pháp giải quyết tình huống chỉ có 14,3% thỉnh thoảng sử dụng. Như vậy, chúng ta thấy trong quá trình dạy học GV sử dụng PPDH thuyết trình là chủ yếu nên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ sử dụng phương pháp pháp trắc nghiệm mức độ cao là phù hợp. Điều này đảm bảo cho kết quả khách quan hơn so với chấm tự luận. Đây cũng là cách để khắc phục tình trạng học tủ, học lệch của SV. Ngoài ra còn phát huy được hết năng lực của SV.

2.1.5. Ngoài ra để tìm hiểu sâu hơn, người nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các đồng chí GV lâu năm và các đồng chí trưởng, phó Bộ môn Giáo dục quốc phòng an ninh của khoa Khoa học cơ bản về việc GV vận dụng các PPDH theo quan điểm tích cực hiện nay. Người nghiên cứu ghi nhận được hiện nay do tình trạng lớp học số lượng đông (khoảng từ 100 – 110 SV/ một lớp), GV chưa được tập huấn nhiều về các PPDH theo quan điểm tích cực, một số GV ngại thay đổi cứ theo lối dạy truyền thống. Vì vậy, phương pháp thuyết trình được GV sử dụng hầu hết trong các bài giảng của mình, rất ít GV vận dụng các PPDH theo quan điểm tích cực và hình thức dạy học nhóm.

2.2. Thực trạng hoạt động học

Để tìm hiểu SV có nhận thức về vai trò của học phần giáo dục quốc phòng, an ninh chúng tôi đưa ra câu hỏi: *"Theo bạn môn Giáo dục quốc phòng, an ninh có vai trò như thế nào đối với sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh* (bảng 6).

TT	Nhận thức về vai trò học phần	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Giúp SV có kiến thức về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc	180	78,3
2	Giúp SV có kiến thức về xây dựng nền quốc phòng toàn dân	170	73,9
3	Giúp SV có kiến thức phòng chống "Diễn biến hoà bình"	141	61,3
4	Giúp SV có kỹ năng sử dụng các loại vũ khí trang bị	195	87,8

5	Giúp SV có kiến thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam	140	61
6	Giúp SV có kiến thức, kỹ năng khác trong cuộc sống	51	22,2
7	Không giúp được gì cho SV	04	1,7

Bảng 6: Mức độ nhận thức về vai trò môn học của SV

Kết quả khảo sát (bảng 6) cho thấy tuyệt đại đa số SV của Nhà trường có nhận thức đúng đắn về vai trò của học phần, đây là điều kiện thuận lợi để giảng dạy học phần GDQP&AN đạt hiệu quả và chất lượng.

Về thái độ của SV đối với học phần giáo dục quốc phòng và an ninh, kết quả khảo sát cho thấy: - Rất thích 17 SV (7,4%); - Thích 71 SV (30,9%); - Không thích 4 SV (1,7%); - Bình thường 105 SV (45,7&); - Chán 31 SV (13,5&); - Ghét 2 SV (0,9%).

Như vậy, mặc dù nhận thức về vai trò học phần là tốt (theo kết quả khảo sát, đa số SV, gần 80%, thấy được vai trò quan trọng của học phần này) nhưng thái độ của SV trong giờ học chưa tốt. (chỉ có 38,3% thích và rất thích học). Vì vậy, cần phải nâng cao nhận thức cho SV về ý nghĩa, tác dụng của học phần GDQP-AN. Qua các giờ lên lớp, GV cần liên hệ thực tế giúp SV hiểu được vai trò, ý nghĩa của học phần này.

Về Mức độ nguyên nhân sinh viên không thích học, kết quả khảo sát như sau: GV sử dụng phương pháp thuyết trình đơn điệu: 110 SV (47%); GV không tạo điều kiện cho SV tham gia xây dựng bài: 98 SV (42,6%); SV ít được phát biểu chính kiến của mình: 89 SV (36,7%); Môn học trừu tượng: 30 SV (13,0%); GV duy trì nghiêm khắc các qui định, kỷ luật trong học tập: 25 SV (10,8%); Môn học xa rời cuộc sống: 13 SV (5,7%).

Với kết quả khảo sát như vậy, đòi hỏi GV phải có phương pháp giảng dạy phù hợp, linh hoạt. Để giảm bớt căng thẳng trong giờ học và luôn tạo cảm giác mới lạ trong học tập. Từ đó kích thích sự tò mò, thích khám phá và chinh phục của SV. Hơn nữa còn giúp tối ưu hóa quá trình học tập, đáp ứng nhu cầu và khả năng học tập đa dạng của SV, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục.

Tìm hiểu xem phải làm như thế nào để tăng tính tích cực, tự giác của SV đối với học phần GDQP&AN chúng tôi hỏi: *"Để tăng tính tích cực của sinh viên, trong dạy học giảng viên cần có phương pháp gì?"*

Qua khảo sát kết quả thu được ở cho thấy có tới 61,3% SV trả lời cần có các tình huống cho SV giải quyết, 61,3% SV đề nghị cần tổ cức tham quan, học tập ngoại khoá, 59,1% SV trả lời cần đa dạng hóa các phương pháp dạy học và 45,2% SV trả lời cần tăng cường thảo luận nhóm. Như vậy cho thấy yêu cầu đổi mới PPDH để tăng tính tích cực, tự giác của SV là một khách quan. GV cần phải đổi mới, vận dụng các PPDH theo quan điểm tích cực như: Nêu vấn đề, thảo luận, học tập ngoại khóa… để đáp ứng yêu cầu học tập của SV.

Công tác giảng dạy học phần GDQP&AN tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã thực hiện theo đúng quy những định hiện hành. Nhà trường đã xây dựng được chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập học phần GDQP&AN đảm bảo chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình thực tế. Điều kiện cơ sở vật chất, vũ khí, thiết bị quân sự, phòng học, phương tiện phục vụ GDQP&AN được đảm bảo. Thao trường, bãi tập, nơi ăn ở …cơ bản đáp ứng nhu cầu của SV. Tuy nhiên, công tác GDQP&AN của Nhà trường hiện nay vẫn còn một số mặt hạn chế cần khắc phục như: GV còn chậm trong việc cập nhật, đổi mới phương pháp cũng như chất lượng giảng dạy; Các cơ chế chính sách cho đội ngũ GV giảng dạy học phần còn chưa tương xứng; Một bộ phận không nhỏ SV còn thờ ờ, lười học tập coi đây là học phần điều kiện.

2.3. Đề xuất giải pháp

2.3.1. Đổi mới phương pháp dạy học

Đổi mới PPDH từ phương pháp truyền thụ một chiều sang phương pháp phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học là một vấn đề cấp thiết. Dạy học không phải chủ yếu là truyền đạt, cung cấp thông tin, mà là rèn luyện kĩ năng tìm, quản lí thông tin và xử lí thông tin thành sản phẩm có ý nghĩ trong hoạt động sống [5]. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thói quen nề nếp, sáng tạo của người học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho SV, nhất là SV đại học [2]. GV của Bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cần phải sử dụng đa dạng các PPDH, chú trọng các PPDH theo quan điểm dạy học tích cực, mà cụ thể là phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.

2.3.2. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học

Cùng với đổi mới phương pháp thì phải khuyến khích đổi mới hình thức tổ chức dạy học như tăng cường tổ chức dạy học nhóm. Trong tổ chức dạy học, GV cần tạo điều kiện, cơ hội cho SV trình bày, phát biểu ý kiến; khuyến khích SV đưa ra các phương án, kết quả kể cả kết quả khác với đáp án của GV. Mặt khác, để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức học nhóm, thảo luận nhóm, giải quyết các tình huống, nhà trường nên xem xét và sắp xếp số lượng SV trong một lớp học hợp lí từ 50 đến 60 SV thay vì 100 đến 110 SV như thực trạng hiện nay.

2.3.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Trong quá trình dạy học, kiểm tra và đánh giá luôn luôn có vai trò rất quan trọng, là một nhân tố cấu thành của quá trình dạy học. Vì vậy, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả môn GDQP&AN cần phải thực hiện theo hướng: tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học. Đổi mới nội dung kiểm tra, việc kiểm tra không chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện tri thức, lặp lại các kĩ năng đã học, mà chú trọng kiểm tra năng lực độc lập, sáng tạo, năng lực tự học của SV. Nội dung kiểm tra phải bảo đảm tính toàn diện về kiến thức, kĩ năng, thái độ, khả năng vận dụng kiến thức...

2.3.4. Vận dụng phương pháp dạy học theo tình huống dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh để phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo của sinh viên

PPDH theo tình huống có những ưu điểm như: SV được trực tiếp làm việc với đối tượng học tập, tự mình "bóc tách" nội dung học tập được ẩn chứa trong tình huống; SV không tiếp nhận nội dung học tập một cách lí thuyết mà được gắn liền với một tình huống cụ thể, điển hình; tăng cường khả năng độc lập suy nghĩ, phát triển tư duy sáng tạo và các bước tiếp cận đối tượng; phát triển các kĩ năng vận dụng kinh nghiệm của mình và người khác vào việc giải quyết các vấn đề trong học tập và trong các lĩnh vực khác; phát triển khả năng thích ứng trong các tình huống khác nhau... [4].

2.3.5. Đổi mới phương pháp gắn liền với đổi mới về cơ chế, chính sách

Thực tế cho thấy việc GV ngại sử dụng các PPDH tích cực vì phải tốn nhiều thời gian, công sức và trí tuệ, song nếu như đơn vị không có chính sách động viên, khuyến khích, ưu đãi gì thì GV cũng rất ngại đổi mới. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy tình trạng GV sử dụng phương pháp truyền thống còn rất nhiều… nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên một phần là do khách quan (cơ sở vật chất không đảm bảo…). Tuy nhiên, cũng phải kể đến nguyên nhân chủ quan đó là do chính GV chưa tích cực đổi mới.

3. Kết luận

GDQP&AN là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân, giữ vai trò quan trọng trongnâng cao kiến thức quốc phòng, an ninh, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước, giữ nước, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh cho SV, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn. Song, chất lượng GDQP&AN vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cả về nhận thức, trách nhiệm, nội dung, chương trình, PPDH và cơ sở vật chất bảo đảm cho công tác GDQP&AN. Trong giai đoạn tới, Nhà trường và GV Bộ môn Giáo dục quốc phòng an ninh - Thể chất cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục tăng cường GDQP&AN đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Công văn số 4471/BGDĐT-GDQPAN ngày 13/9/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh năm học 2022-2023*.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4] Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5] Nguyễn Cảnh Toàn, Lê Khánh Bằng (2009), *Phương pháp dạy học và học đại học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.